

ẢNH HƯỞNG CỦA QUI MÔ CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ PHÍ KIỂM TOÁN TỚI CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH

Nguyễn Thị Lan Anh*, Nguyễn Thanh Hiếu**

Kiểm toán báo cáo tài chính (kiểm toán tài chính) là một công cụ hữu hiệu cho quản lý kinh tế, tài chính. Chất lượng kiểm toán tài chính là yếu tố quan trọng góp phần làm minh bạch thông tin tài chính, tạo tiền đề cho sự phát triển lành mạnh và bền vững của một đất nước. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán tài chính để có hướng vận dụng hợp lý các yếu tố này sẽ góp phần nâng cao chất lượng kiểm toán đang được Việt Nam và nhiều quốc gia khác quan tâm. Bài viết bàn về ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán và phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán tài chính với các nội dung cơ bản: (1) Ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán và phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán trên thế giới, và (2) Ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán và phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường chất lượng kiểm toán tài chính.

Từ khóa: chất lượng kiểm toán, qui mô công ty kiểm toán, phí kiểm toán

1. Giới thiệu

Trong những dịch vụ được các công ty kiểm toán độc lập trên toàn cầu nói chung và ở Việt Nam nói riêng cung cấp thì kiểm toán tài chính là một dịch vụ chủ yếu. Mục tiêu của loại hình kiểm toán này là đưa ra sự đảm bảo hợp lý của kiểm toán viên (KTV) về tính trung thực, hợp lý, hợp pháp của các con số, những thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính (BCTC). Đây là nhu cầu cần thiết của rất nhiều đối tượng như các nhà đầu tư, chủ sở hữu vốn, chủ nợ, Nhà nước... khi sử dụng thông tin trên BCTC để đưa ra các quyết định của mình. Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, nhưng chất lượng báo cáo kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin do thiếu độ tin cậy và tính hữu ích. Ngay cả chất lượng báo cáo kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận không phải luôn luôn đáp ứng được lòng tin của các đối tượng sử dụng, như các trường hợp KPMG kiểm toán Vinashin (Vinashin: Những khoản nợ không địa chỉ, 2010) hay Ernst & Young kiểm toán Dược Viễn

Đông gần đây (Lựa chọn công ty kiểm toán đừng quên bài học cổ phiếu DVD, 2012).

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán tài chính và chúng thường được sắp xếp thành 3 nhóm: (1) nhóm các yếu tố liên quan tới khách thể kiểm toán, (2) nhóm các yếu tố liên quan tới chủ thể kiểm toán và (3) nhóm các yếu tố khách quan (Moeinnadin và cộng sự, 2013). Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ bàn về hai yếu tố thuộc nhóm các yếu tố liên quan tới chủ thể kiểm toán là qui mô của công ty kiểm toán và phí kiểm toán.

2. Ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán và phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán trên thế giới

2.1. Về qui mô công ty kiểm toán

Nhiều nghiên cứu từ rất sớm đã chỉ ra rằng chất lượng kiểm toán không phụ thuộc vào qui mô của công ty kiểm toán, chất lượng của các công ty kiểm toán lớn và công ty kiểm toán nhỏ được đánh giá như nhau dưới góc nhìn của các đối tượng sử dụng BCTC (các nhà phân tích tài chính) như nghiên cứu

của Imhoff (1988), Chandler (1991) và American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (Viện kế toán công chứng Mỹ) (1992 và 2002). Tuy nhiên có nhiều nghiên cứu khác, đặc biệt là những nghiên cứu gần đây cho thấy qui mô công ty kiểm toán là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán.

Các nghiên cứu của Titman và Trueman (1986), Beatty (1989), Davidson và Neu (1993) cho rằng qui mô công ty kiểm toán có ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán, trong đó các BCTC đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán lớn đáng tin cậy hơn so với BCTC đã được kiểm toán từ phía các công ty kiểm toán nhỏ. Lí giải về vấn đề này, McLennan và Park (2003) cho rằng, các công ty kiểm toán lớn sở hữu đội ngũ kiểm toán viên (KTV) có chuyên môn tốt và được đào tạo bài bản hơn so với những công ty nhỏ, đồng thời họ có uy tín cao hơn trong nền kinh tế, vì vậy chất lượng kiểm toán được đảm bảo hơn (trên phương diện đáp ứng tối đa yêu cầu về tính độc lập và năng lực chuyên môn). Choi và các cộng sự (2008) cũng chỉ ra rằng các công ty kiểm toán lớn luôn phải đối mặt với các khoản chi phí trách nhiệm pháp lý cao hơn, nguy cơ ảnh hưởng đến uy tín của mình cao hơn nên có xu hướng nỗ lực hơn các công ty kiểm toán có qui mô nhỏ.

Nghiên cứu của Stefan Sundgren và Svanstrom (2011) về mối quan hệ giữa chất lượng kiểm toán với qui mô công ty kiểm toán ở Thụy Điển cho thấy chất lượng kiểm toán được cải thiện rõ rệt ở những công ty kiểm toán có qui mô lớn (bao gồm Big 4, Grant Thornton và BDO – hai công ty kiểm toán lớn thứ năm và thứ sáu ở Thụy Điển). Các tác giả cũng đã lí giải sự khác biệt về chất lượng giữa những công ty kiểm toán có qui mô khác nhau là do các tố chất cơ bản của KTV (kinh nghiệm, trình độ, khả năng làm việc theo nhóm) và cách thức đào tạo định kỳ của công ty kiểm toán.

Louis-Philippe Sirois và cộng sự (2011) đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá sự ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán tới chất lượng kiểm toán ở Hoa Kỳ. Nghiên cứu kết quả kiểm toán của các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big 4 và những công ty kiểm toán còn lại trong giai đoạn 2002 đến 2005 cho thấy chất lượng kiểm toán của Big 4 là khác biệt so với chất lượng kiểm toán của nhóm các công ty kiểm toán còn lại. Sự khác biệt

này liên quan đến chiến lược đầu tư về công nghệ kiểm toán: các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big 4 đã đầu tư nhiều hơn trong việc xây dựng công nghệ kiểm toán. Đây là một chiến lược khác biệt nhằm nâng cao giá trị tương đối của họ thông qua chất lượng kiểm toán. Trong một cuộc kiểm toán, công nghệ là yếu tố quan trọng kết hợp với sự nỗ lực của KTV và việc sẵn sàng chi những khoản phí phù hợp cho các thủ tục cần thiết trong cuộc kiểm toán đã tạo nên những thành công lớn của Big 4 so với các công ty kiểm toán khác.

Yuniarti (2011) đã sử dụng phương pháp xác minh mô tả (descriptive verification) nghiên cứu về mối quan hệ giữa qui mô công ty kiểm toán với chất lượng kiểm toán ở khu vực Bandung, Indonesia. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng khách hàng mà các công ty kiểm toán làm việc trong một năm và số lượng nhân viên chuyên nghiệp của các công ty kiểm toán có ảnh hưởng đáng kể tới chất lượng kiểm toán.

Gần đây nhất, Moeinnadin và cộng sự (2013) đã sử dụng phương pháp FANP và FTOPSIS xác định và xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán tại Iran, trong đó qui mô công ty kiểm toán đứng ở vị trí thứ 9 trong tổng số 15 yếu tố thuộc về chủ thể kiểm toán có ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán.

Bên cạnh các nghiên cứu về mối quan hệ giữa qui mô công ty kiểm toán với chất lượng kiểm toán nói chung được thực hiện ở các quốc gia khác nhau, còn có các nghiên cứu về vấn đề này cho phạm vi một nhóm khách hàng hoặc cho một phần hành kiểm toán cụ thể. Nedal Sawan và Ihab Alsaqqa (2012) đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa qui mô công ty kiểm toán với chất lượng kiểm toán tại các công ty dầu mỏ ở Li-bi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các công ty kiểm toán có qui mô lớn (Big 4) thực hiện kiểm toán với hiệu quả cao với kết quả độc lập hơn và đáng tin cậy hơn so với các công ty kiểm toán có qui mô nhỏ hơn (không phải Big 4). Nghiên cứu của Shireenjit Johl và cộng sự (2012) chỉ ra rằng KTV ở các hãng kiểm toán thuộc nhóm Big4 có khả năng phát hiện các vấn đề về quản trị lợi nhuận của khách thể kiểm toán cao hơn so với kiểm toán viên ở các công ty khác. Owusu-Anasah và cộng sự (2001) khi nghiên cứu về các thủ tục kiểm toán phát hiện gian lận đối với khoản mục

hàng tồn kho ở Newzealand cho thấy qui mô của công ty kiểm toán có ảnh hưởng tới khả năng phát hiện gian lận trong kiểm toán hàng tồn kho nhưng mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

Như vậy, hầu hết các nghiên cứu đều đi đến kết luận qui mô công ty kiểm toán là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán theo hướng chất lượng kiểm toán ở các công ty kiểm toán có qui mô nhỏ có khả năng thấp hơn so với chất lượng kiểm toán ở các công ty kiểm toán có qui mô lớn.

2.2. Về phí kiểm toán

Nghiên cứu của Moeinnadin và cộng sự (2013) đã xếp hạng phí kiểm toán ở vị trí thứ 7 trong tổng số 15 yếu tố thuộc về chủ thể kiểm toán có ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán. Tác động cụ thể của phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán khá đa dạng và được rút ra từ nhiều nghiên cứu khác nhau.

Rani Hoitash và cộng sự (2007) đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa phí kiểm toán và chất lượng kiểm toán tại Hoa Kỳ, so sánh giữa thời gian trước và sau khi ban hành Đạo luật Sarbanes - Oxley bằng việc khảo sát gần 20.000 trường hợp trong giai đoạn 2000-2003 và đo lường chất lượng kiểm toán thông qua khoản mục chi phí phải trả không bắt buộc (discretionary accruals). Kết quả nghiên cứu cho thấy phí kiểm toán và chất lượng kiểm toán có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong suốt cả giai đoạn 2000-2003 (không khác biệt giữa thời gian trước và sau khi ban hành đạo luật Sarbanes - Oxley) theo hướng các công ty có khoản mục chi phí phải trả không bắt buộc thấp (chất lượng kiểm toán cao) có mức phí kiểm toán trung bình thấp hơn mức phí kiểm toán của nhóm công ty có khoản mục chi phí phải trả không bắt buộc cao (chất lượng kiểm toán thấp). Jong-hag Choi và cộng sự (2006) cũng đã sử dụng mẫu 9820 quan sát trong giai đoạn 2000-2003 để nghiên cứu về mối quan hệ giữa chất lượng kiểm toán với chi phí kiểm toán bất thường (khoản phí mà khách hàng phải trả cho Công ty kiểm toán về những công việc không mang tính chất kiểm toán) tại thị trường Hồng Kông. Các tác giả sử dụng độ lớn của khoản chi phí phải trả không bắt buộc để đo lường chất lượng kiểm toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nếu chi phí kiểm toán lớn hơn một cách bất thường so với mức phí mà kiểm toán viên kỳ vọng sẽ dẫn tới sự thỏa hiệp về kết quả kiểm toán.

Michael Ettredge và cộng sự (2013) đã tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của áp lực của phí kiểm toán trong thời kỳ suy thoái kinh tế 2007-2009 tới chất lượng kiểm toán (được đo lường bằng sai sót trên báo cáo tài chính) tại Mỹ. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong thời kỳ suy thoái kinh tế, sức ép về phí kiểm toán đã làm suy giảm chất lượng kiểm toán, tuy nhiên bằng chứng cho vấn đề này ở các công ty kiểm toán nhỏ rõ ràng hơn nhiều so với ở các công ty kiểm toán lớn. Với đối tượng khảo sát là KTV, kết quả nghiên cứu của Rita Yuniarti (2011) về mối quan hệ giữa phí kiểm toán và chất lượng kiểm toán tại Bandung (Indonesia) cho thấy phí kiểm toán mà công ty kiểm toán có được trong một năm (từ tất cả các khách hàng) cao và chi phí cần thiết phát sinh trong quá trình kiểm toán tăng sẽ làm tăng chất lượng kiểm toán.

Ente Hsu và Taychang (2008) lại nghiên cứu về mối quan hệ giữa phí kiểm toán và chất lượng kiểm toán tại Đài Loan theo hướng xem xét mối quan hệ qua lại giữa doanh nghiệp, công ty kiểm toán và sự cạnh tranh về giá giữa các công ty kiểm toán ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chất lượng kiểm toán được cải thiện rõ rệt nếu chính phủ thiết lập mức sàn của chi phí kiểm toán.

Như vậy, các nghiên cứu trên cho thấy phí kiểm toán ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán theo hướng: phí kiểm toán cao (đặc biệt là cao bất thường) có thể dẫn tới chất lượng kiểm toán không bảo đảm do có sự thỏa hiệp về kết quả kiểm toán với khách hàng. Mặc dù vậy, bản thân các công ty kiểm toán lại chịu sức ép về phí kiểm toán theo hướng: mức phí kiểm toán giảm sẽ làm giảm chất lượng kiểm toán.

3. Ảnh hưởng của qui mô công ty kiểm toán và phí kiểm toán tới chất lượng kiểm toán ở Việt Nam

3.1. Về qui mô công ty kiểm toán

Cho đến nay chưa có nghiên cứu đầy đủ nào về mối quan hệ giữa qui mô công ty kiểm toán với chất lượng kiểm toán ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy có sự khác biệt về chất lượng kiểm toán giữa các công ty kiểm toán qui mô lớn và các công ty kiểm toán qui mô nhỏ vì vậy các công ty kiểm toán qui mô nhỏ (không đạt các điều kiện tối thiểu về vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu, số lượng kiểm

toán viên hành nghề, thời gian hoạt động và số lượng khách hàng) sẽ không được phép kiểm toán các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán căn cứ theo Quyết định 89/2007/QĐ-BTC. Chính vì lẽ đó, chỉ có 43 công ty trong tổng số 154 công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán năm 2013 (Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam - Vacpa, 2013a).

Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của các công ty kiểm toán năm 2011 của Vacpa chỉ ra rằng hầu hết các công ty kiểm toán vừa và nhỏ chưa xây dựng được hệ thống các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng, hoặc đã xây dựng được nhưng chưa thực hiện kiểm soát chất lượng các hoạt động của mình theo chính sách và thủ tục đó. Vacpa đã tiến hành kiểm tra 30 công ty kiểm toán được chia thành ba nhóm: nhóm 1 có 3 công ty (chiếm 10%) có trên 20 KTV hành nghề, nhóm 2 có 12 công ty (chiếm 40%) có từ 7 đến 18 KTV hành nghề và nhóm 3 có 15 công ty (chiếm 50%) có từ 3 đến 6 KTV hành nghề. Trong số 30 công ty này có 5 công ty (17%) được kiểm tra xếp loại tốt, 18 công ty (60%) được xếp loại đạt yêu cầu, 6 công ty (10%) chưa đạt yêu cầu và 1 công ty (3%) yếu kém. 6/7 công ty xếp loại chưa đạt yêu cầu và yếu kém đều là các công ty thuộc nhóm 3 (chỉ có công ty CPA HN là công ty thuộc nhóm 2 nhưng bị xếp loại chưa đạt yêu cầu). (Vacpa, 2013b)

Năm 2012, VACPA tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động của 15 công ty kiểm toán và những công ty này được chia thành 3 nhóm: có 3 công ty trên 100 nhân viên; 2 công ty có từ 50 đến dưới 100 nhân viên; 10 công ty có dưới 50 nhân viên. Kết quả kiểm tra cho thấy, có những công ty kiểm toán quá nhỏ (dưới 20 nhân viên), tỷ lệ nhân viên chuyên nghiệp quá thấp (dưới 10% so với tổng số nhân viên hành nghề kiểm toán) không đủ điều kiện để nâng cao chất lượng dịch vụ. (Vacpa, 2013b)

3.2. Về phí kiểm toán

Giống như việc nghiên cứu về qui mô của công ty kiểm toán, cũng chưa có nghiên cứu cụ thể nào về tác động của chi phí kiểm toán đến chất lượng kiểm toán ở Việt Nam. Hiện nay, mức phí kiểm toán có sự khác biệt rất lớn giữa các công ty kiểm toán trong nước và ngoài nước, giữa công ty qui mô lớn và công ty qui mô nhỏ: Các công ty kiểm toán quốc tế

có mức phí bình quân lên tới 380 triệu đồng/hợp đồng, một số ít công ty kiểm toán Việt Nam có mức phí từ 75 triệu đồng đến 100 triệu đồng/hợp đồng; Các công ty còn lại có mức phí bình quân tương đối thấp (từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng/hợp đồng) (Vacpa, 2012). Vacpa đã khuyến cáo, nếu mức phí kiểm toán dưới 50 triệu đồng sẽ không thể thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết. Vì vậy, mức phí kiểm toán rất thấp của các công ty kiểm toán Việt Nam sẽ làm suy giảm chất lượng kiểm toán (Hà My, 2012).

Thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp phải kiểm toán theo luật định thường có xu hướng lựa chọn công ty kiểm toán dựa trên mức phí mà các công ty này chào hàng nên dẫn đến tình trạng các công ty kiểm toán đua nhau hạ giá phí để thu hút khách hàng (Bùi Trang, 2011). Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, mức phí kiểm toán trung bình mà các doanh nghiệp kiểm toán trong nước đưa ra rất khó đảm bảo để công ty kiểm toán thực hiện đủ các quy trình, thủ tục kiểm toán, vì vậy nhiều công ty kiểm toán sẵn sàng cắt bỏ những thủ tục cần thiết để giảm tối đa các khoản chi phí kiểm toán (Bùi Trang, 2011). Việc giảm giá phí không chỉ xảy ra ở các doanh nghiệp trong nước mà còn xuất hiện tại các doanh nghiệp nước ngoài. Ông Bill Palmer, Giám đốc khu vực châu Á của Học viện kế toán Australia (ICAA) cũng cảnh báo tình trạng cạnh tranh về giá phí ở Việt Nam hiện nay có thể khiến chất lượng dịch vụ kiểm toán bị giảm sút (Bùi Trang, 2011).

4. Kết luận

Để nâng cao chất lượng kiểm toán cần duy trì những công ty kiểm toán có qui mô vốn đủ lớn nhằm tăng cường nguồn lực, đầu tư để nâng cao chất lượng dịch vụ; duy trì đội ngũ KTV chuyên nghiệp, có trình độ tương xứng so với yêu cầu của công việc. Nhà nước và tổ chức nghề nghiệp cần thiết phải có chính sách khuyến khích các công ty kiểm toán trong nước trở thành các thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế để được hỗ trợ đào tạo và chuyển giao kỹ thuật, đạt được cơ bản sự công nhận quốc tế về kết quả kiểm toán. Bên cạnh đó, để chất lượng kiểm toán được đảm bảo, trên góc độ quản lý phí kiểm toán, Nhà nước nên đề ra một mức tối thiểu cho việc kí kết hợp đồng kiểm toán, đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với những hành vi cạnh tranh về phí kiểm toán không lành mạnh. □

Tài liệu tham khảo:

- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (1992). *SEC Practice Section. Statement of Position Regarding Mandatory Rotation of Audit Firms of Publicly Held Companies*. New York: AICPA.
- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (2002) *International Education Standards for Professional Accountants*. New York: AICPA.
- Beatty, R. P. (1989), “*Audit reputation and the pricing of initial public offerings*”, *Accounting Review*: 693-709.
- Bùi Trang (2011), *Kiểm toán: cuộc giằng co giữa phí và chất lượng*, truy cập ngày 14 tháng 05 năm 2012, từ <<http://tinnhanhchungkhoan.vn/GL/N/CHBHDH/kiem-toan:-cuoc-giang-co-giua-phi-va-chat-luong.html>>.
- Chandler RA (1991), “*Guardians of Knowledge and Public Interest*”: *A Reply. Account, Audit. Account. J.* 4(4):5-13.
- Davidson, R. A.; and D. Neu (1993), “*A note on the association between audit firm size and audit quality*”, *Contemporary Accounting Research*: 479-488.
- Ente Hsu và Taychang (2008), *Audit Fee Floor and Audit Quality*, *NTU Management Review*.
- Hà My (2012), *Nâng chất công ty kiểm toán: Minh bạch doanh nghiệp niêm yết*, truy cập ngày 15 tháng 4 năm 2013, từ <<http://cafef.vn/thi-truong-chung-khoan/nang-chat-cong-ty-kiem-toan-minh-bach-doanh-nghiep-niem-yet-0111212041713733ca31.chn>>.
- Imhoff EA Jr (1988), *A Comparison of Analysts' Accounting Quality Judgments among CPA Firms' clients*, *Auditing* 7(2):182.
- Jong-Hag Choi, Jeong-Bon Kim, and Yoonseok Zang (2006), *The Association between Audit Quality and Abnormal Audit Fees*, *Social science research network*.
- Louis-Philippe Sirois, Hec Montréal, Sophi Marmousez, Dan A. Simunic (2011). *Big 4 and non-Big 4 Audit Production Costs: Office Level Audit Technology and the Impact on Audit Fees*. Hal article en ligne.
- Lựa chọn công ty kiểm toán đìng quên bài học cổ phiếu DVD* (2012), truy cập ngày 10 tháng 06 năm 2013, từ <<http://www.baomoi.com/Lua-chon-cong-ty-kiem-toan-dung-quen-bai-hoc-co-phiieu-DVD/45/8065475.epi>>.
- Mclennan, A.; and I. Park (2003) “*The market for liars: reputation and auditor honesty*” Discussion Paper No. 587, Japan: The Institute of Social and Economic Research, OsakaUniversity.
- Michael Ettredge, Chan Li & Elizabeth Emeigh (2013). *Fee Pressure and Audit Quality*. *Social science research network*.
- Moeinnadin, Keshavarzian và Dehghan (2013), *Identifying and Ranking the Factors Impacting Audit Quality from the Perspective of Audit Firms Using FANP and FTOPSIS, Interdisciplinary Journal of contemporary research in business April 2013, Vol 4, No12*.
- Nedal Sawan and Ihab Alsaqqa (2012). *Audit firm size and quality: Does audit firm size influence audit quality in the Libyan oil industry?*. *African Journal of Business Management* Vol. 7(3), pp. 213-226, 21 January, 2013.
- Owusu-Ansah, S., Moyes, G.D., Oyelere, B.P. and Hay, D. (2001), “*An empirical analysis of the likelihood of detecting fraud in New Zealand*”, *Managerial Auditing Journal*, Vol. 17 No. 4, pp. 192-204.
- Rani Hoitash, Ariel Markelevich & Charles A. Barragato (2007). *Auditor fees and audit quality*. *Managerial Auditing Journal* Vol.22 No8, 2007, pp 761-786.
- Rita Yuniarti (2011). *Audit firm size, audit fee and audit quality*. *Journal of global management* 84 July 2011. Volume 2. Number 1.
- Shireenjit Johl, Peter Carey, Arifur Khan, Xiaoqing Li (2012). *Auditor gender and audit quality*. *Accounting and Finance Association of Australia and New Zealand*.
- Stefan Sundgren and Tobias Svanstrom (2011). *Audit Office Size, Audit Quality and Audit Pricing: Evidence from*

Small and Medium Sized Entities. Social science research network.

Titman, S.; and B. Trueman (1986), "Information quality and the valuation of new issues", *Journal of Accounting and Economics* (1986): 159-172.

Vacpa (2012), *Thông báo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của 30 công ty kiểm toán năm 2011*, trang 2 – trang 7.

Vacpa (2013a), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2012*, Tài liệu họp thường niên Giám đốc các công ty kiểm toán trong cả nước năm 2012-2013, trang 1.

Vacpa (2013b), *Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động năm 2012 của 15 công ty kiểm toán*, Tài liệu họp thường niên Giám đốc các công ty kiểm toán trong cả nước năm 2012-2013, trang 2, 3.

Vinashin: *Những khoản nợ không địa chỉ* (2010), truy cập ngày 6 tháng 12 năm 2013, từ <<http://vef.vn/2010-10-30-vinashin-nhung-khoan-no-khong-dia-chi>>.

The impact of audit firm size and audit fee on the quality of financial audit

Abstract:

Audit of financial statements (financial audit) is an effective tool for managing economic and finance. Financial audit quality is an important factor contributing to the transparency of financial information, set the stage for healthy growth and sustainability of a country. Studying the factors that affect the quality of financial audit would lead to a reasonable application of these factors will contribute to improving the quality of being audited Vietnam and many other countries. This paper presents 2 major issues: (1) The impact of audit firm size and audit fee on the quality of financial audit in the world; (2) The impact of audit firm size and audit fee on the quality of financial audit in Vietnam and then to propose some solutions to enhance the quality of financial audit.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Lan Anh**, Thạc sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kiểm toán

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí *Kinh tế và Phát triển*, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Tạp chí Kiểm toán

- Địa chỉ email: lananhngneu@yahoo.com

****Nguyễn Thanh Hiếu**, Thạc sĩ

Nơi công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân